

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều
của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005; Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này hướng dẫn về điều kiện xác nhận, chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh); việc xử lý vi phạm; trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện Pháp lệnh.

Điều 2. Những trường hợp không áp dụng

Nghị định này không áp dụng đối với những trường hợp sau:

1. Đào ngũ, đầu hàng, phản bội, chiêu hồi.
2. Đang chấp hành án tù giam, tù chung thân hoặc bị kết án về một trong các tội về xâm phạm an ninh quốc gia.
3. Bị tước danh hiệu quân nhân, danh hiệu công an nhân dân, danh hiệu dân quân tự vệ; bị buộc thôi việc.

Điều 3. Nguyên tắc hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng đối với thân nhân người có công

1. Thân nhân liệt sĩ hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng theo quy định tại Điều 20 của Nghị định này.

2. Thân nhân của hai người có công từ trần trở lên được hưởng tối đa hai suất trợ cấp tiền tuất hàng tháng.

3. Thân nhân của một liệt sĩ đồng thời là thân nhân của hai người có công từ trần trở lên chỉ được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng của một liệt sĩ và trợ cấp tiền tuất hàng tháng của một người có công từ trần.

4. Thân nhân của hai liệt sĩ trở lên đồng thời là thân nhân của người có công từ trần chỉ hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng đối với thân nhân liệt sĩ.

5. Thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng của một đối tượng trong trường hợp người có công với cách mạng từ trần thuộc hai đối tượng trở lên quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Pháp lệnh.

6. Không áp dụng trợ cấp tiền tuất hàng tháng đối với con của người có công với cách mạng từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học trong những trường hợp sau:

- a) Không tiếp tục đi học ngay sau khi kết thúc bậc học phổ thông;
- b) Đã hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng trong thời gian theo học tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc giáo dục đại học;
- c) Đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng trong thời gian theo học tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc giáo dục đại học mà thôi học hoặc bị buộc thôi học.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thân nhân người có công là cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi). Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.

2. Người có công nuôi dưỡng liệt sĩ là người đã nuôi dưỡng khi liệt sĩ dưới 18 tuổi, thời gian nuôi từ 10 năm trở lên.

3. Người thờ cúng là người được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

4. Người thờ cúng liệt sĩ là người con hưởng chế độ thờ cúng liệt sĩ; trường hợp không có hoặc không còn con thì là người được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

5. Người sống cô đơn không nơi nương tựa là người sống độc thân, không có hoặc không còn thân nhân.

6. Đại diện thân nhân là người được thân nhân ủy quyền theo quy định của pháp luật.

7. Con của người có công nếu còn tiếp tục đi học là người đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ bậc phổ thông đến đại học.

8. Con của người có công bị khuyết tật từ nhỏ là người bị khuyết tật khi dưới 18 tuổi.

9. Người làm nghĩa vụ quốc tế là người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở nước ngoài.

10. Người mất tin, mất tích là người thực hiện các nhiệm vụ hoặc có các hành động quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 11 của Pháp lệnh, sau đó không còn tung tích.

11. Hành động dũng cảm là hành động thực hiện những công việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước và nhân dân mặc dù biết có thể ảnh hưởng đến tính mạng.

12. Công việc cấp bách nguy hiểm là công việc cần phải được giải quyết gấp, không thể chậm trễ nhưng có thể gây ảnh hưởng đến tính mạng của người thực hiện.

13. Mức chuẩn quy định tại Nghị định này căn cứ mức chi tiêu bình quân toàn xã hội và thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Chương II

ĐIỀU KIỆN XÁC NHẬN VÀ CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ THÂN NHÂN

Mục 1

NGƯỜI HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG TRƯỚC NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 1945

Điều 5. Điều kiện xác nhận

1. Những người có đủ điều kiện sau đây được xem xét xác nhận là người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945:

a) Tham gia hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;

b) Được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương hoặc được kết nạp lại trước ngày 19 tháng Tám năm 1945, được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận theo quy định tại Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 24 tháng 12 năm 1977 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) về chính sách, chế độ đối với cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm và Thông tri số 07-TT/TC ngày 21 tháng 3 năm 1979 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn vận dụng tiêu chuẩn và xác nhận những đối tượng hưởng chính sách, chế độ đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 19 tháng Tám năm 1945.

2. Không xác nhận đối với trường hợp bị khai trừ khỏi Đảng.

Điều 6. Căn cứ xác nhận

1. Người hoạt động cách mạng còn sống thì căn cứ một trong các giấy tờ sau:

a) Lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1962 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý;

b) Lý lịch khai trong Cuộc vận động bảo vệ Đảng theo Chỉ thị số 90-CT/TW ngày 01 tháng 3 năm 1965 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá III);

c) Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá III) đối với người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 và người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

2. Người hoạt động cách mạng đã hy sinh, từ trần từ ngày 30 tháng 6 năm 1999 trở về trước thì căn cứ một trong các giấy tờ sau có ghi nhận thời gian tham gia hoạt động cách mạng:

a) Lý lịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Hồ sơ của người đã được khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập;

c) Hồ sơ liệt sĩ;

d) Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan Đảng có thẩm quyền thẩm định và đã xuất bản;

đ) Hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, Bảo tàng lịch sử của Trung ương và địa phương từ cấp huyện trở lên.

3. Đối với người hoạt động cách mạng đã hy sinh, từ trần sau ngày 30 tháng 6 năm 1999 thì căn cứ để xem xét, công nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 7. Thủ tục hồ sơ

1. Cá nhân có trách nhiệm:

a) Viết bản khai về quá trình hoạt động cách mạng có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú; trường hợp người hoạt động cách mạng đã hy sinh, từ trần thì đại diện thân nhân hoặc người thờ cúng lập bản khai kèm biên bản ủy quyền;

b) Gửi bản khai kèm theo một trong các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 6 của Nghị định này đến các cơ quan sau để công nhận:

Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định đối với người hoạt động cách mạng thuộc cấp ủy địa phương quản lý;

Ban đảng, Ban Cán sự đảng, Đảng đoàn, Đảng ủy trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định đối với người hoạt động cách mạng thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương quản lý;

Tổng cục Chính trị xem xét, quyết định đối với người hoạt động cách mạng thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam;

Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân xem xét, quyết định đối với người hoạt động cách mạng thuộc Công an nhân dân.

2. Trách nhiệm của các cơ quan:

a) Các cơ quan quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này trong thời gian 45 ngày làm việc từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Xem xét, ra quyết định công nhận và chuyển quyết định công nhận kèm bản khai, biên bản ủy quyền và bản sao các giấy tờ làm căn cứ xác nhận đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người hoạt động cách mạng hoặc đại diện thân nhân, người thờ cúng đang cư trú.

Trường hợp không đủ điều kiện công nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 10 ngày làm việc từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ ra quyết định thực hiện chế độ ưu đãi.

Điều 8. Hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi

1. Quyết định công nhận của các cơ quan quy định tại Điều 7 của Nghị định này.
2. Quyết định trợ cấp, phụ cấp của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 9. Chế độ ưu đãi

Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 được hưởng các chế độ ưu đãi sau từ ngày có quyết định công nhận:

1. Trợ cấp hàng tháng, phụ cấp hàng tháng.
2. Được cấp tiền mua báo Nhân dân hàng ngày, được tạo điều kiện tham gia sinh hoạt văn hóa tinh thần phù hợp với điều kiện nơi cư trú.

Điều 10. Chế độ ưu đãi khi người hoạt động cách mạng chết

1. Người hoạt động cách mạng đang hưởng chế độ ưu đãi quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Pháp lệnh mà chết thì người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí; đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng ba tháng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

2. Người hoạt động cách mạng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Pháp lệnh thì đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần mức 50 triệu đồng.

Trường hợp không còn thân nhân thì người thờ cúng được hưởng trợ cấp một lần mức 10 triệu đồng.

3. Thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng cụ thể như sau:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi hoặc con từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ tháng liền kề khi người hoạt động cách mạng chết;

b) Trường hợp người hoạt động cách mạng đã chết nhưng sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 mới được công nhận thì cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi hoặc con từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ thời điểm ra quyết định công nhận;

c) Con bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng từ nhỏ, sau khi đủ 18 tuổi nếu suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ ngày Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận;

d) Con bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng sau khi đủ 18 tuổi nếu suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên, không có thu nhập hàng tháng hoặc thu nhập hàng tháng thấp hơn 0,6 lần mức chuẩn được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ ngày Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận;

đ) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 18 tuổi trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa hoặc con dưới 18 tuổi mồ côi cả cha mẹ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng được hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng bằng 0,8 lần mức chuẩn.

Mục 2

NGƯỜI HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 1945 ĐẾN NGÀY KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

Điều 11. Điều kiện xác nhận

1. Người hoạt động cách mạng thoát ly là người đã tham gia trong các tổ chức cách mạng, lực lượng vũ trang từ cấp huyện hoặc cấp hành chính tương đương trở lên trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa của từng địa phương (phụ lục) và sau đó tiếp tục tham gia một trong hai cuộc kháng chiến (trừ trường hợp do yêu cầu giảm chính, phục viên hoặc không đủ sức khỏe).

2. Người hoạt động cách mạng không thoát ly là người chỉ hoạt động ở cơ sở trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa của từng địa phương và sau đó tiếp tục tham gia một trong hai cuộc kháng chiến (trừ trường hợp do yêu cầu giảm chính, phục viên hoặc không đủ sức khỏe), bao gồm:

a) Người đứng đầu tổ chức quần chúng cách mạng cấp xã hoặc tương đương: Bí thư, Chủ tịch, Chủ nhiệm Việt Minh, Bí thư nông dân cứu quốc, Bí thư thanh niên cứu quốc, Bí thư phụ nữ cứu quốc;

b) Đội trưởng hoặc tổ trưởng, nhóm trưởng của đội, tổ, nhóm tự vệ chiến đấu, tuyên truyền giải phóng, thanh niên cứu quốc, nông dân cứu quốc, phụ nữ cứu quốc, thiếu nhi cứu quốc (ở địa phương nơi chưa hình thành tổ chức quần chúng cách mạng cấp xã);

c) Người được kết nạp vào tổ chức Việt Minh, sau đó được giao nhiệm vụ ở lại địa phương hoạt động phát triển cơ sở cách mạng;

d) Người tham gia hoạt động cách mạng tháng Tám năm 1945 và sau ngày khởi nghĩa đến ngày 31 tháng 8 năm 1945 đứng đầu một tổ chức cách mạng quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

3. Không xác nhận đối với trường hợp bị khai trừ khỏi Đảng.

Điều 12. Căn cứ xác nhận

1. Người hoạt động cách mạng còn sống thì căn cứ một trong các giấy tờ sau:

a) Lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1969 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý;

b) Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 và người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

2. Người hoạt động cách mạng đã hy sinh, từ trần từ trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 thì căn cứ một trong các giấy tờ sau có ghi nhận thời gian tham gia hoạt động cách mạng:

a) Lý lịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Hồ sơ của người đã được khen thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập;

c) Hồ sơ liệt sĩ;

d) Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên, được các cơ quan Đảng có thẩm quyền thẩm định và đã xuất bản;

đ) Hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, Bảo tàng lịch sử của Trung ương và địa phương từ cấp huyện trở lên.

3. Đối với người hoạt động cách mạng đã hy sinh, từ trần từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 trở về sau thì căn cứ để xem xét, công nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 13. Thủ tục hồ sơ

1. Cá nhân có trách nhiệm:

a) Viết bản khai về quá trình hoạt động cách mạng có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú; trường hợp người hoạt động cách mạng đã hy sinh, tử trận thì đại diện thân nhân hoặc người thờ cúng lập bản khai kèm biên bản ủy quyền;

b) Gửi bản khai kèm theo một trong các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 của Nghị định này đến các cơ quan quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Nghị định này.

2. Trách nhiệm của các cơ quan:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.

Điều 14. Hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi

1. Quyết định công nhận của các cơ quan quy định tại Điều 7 của Nghị định này.
2. Quyết định trợ cấp của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 15. Chế độ ưu đãi

Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 được hưởng các chế độ ưu đãi sau từ ngày có quyết định công nhận:

1. Trợ cấp hàng tháng.
2. Được cấp tiền mua báo Nhân dân hàng ngày, được tạo điều kiện tham gia sinh hoạt văn hóa tinh thần phù hợp với điều kiện nơi cư trú.

Điều 16. Chế độ ưu đãi khi người hoạt động cách mạng chết

1. Người hoạt động cách mạng đang hưởng chế độ ưu đãi quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Pháp lệnh mà chết thì người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí; đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng ba tháng trợ cấp ưu đãi.

2. Người hoạt động cách mạng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Pháp lệnh thì đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần mức 25 triệu đồng.

Trường hợp không còn thân nhân thì người thờ cúng được hưởng trợ cấp một lần mức 10 triệu đồng.

3. Thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng cụ thể như sau:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi hoặc con từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ tháng liền kề khi người hoạt động cách mạng chết;

b) Trường hợp người hoạt động cách mạng đã chết nhưng sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 mới được công nhận thì cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi hoặc con từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ thời điểm ra quyết định công nhận;

c) Con bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng từ nhỏ, sau khi đủ 18 tuổi nếu suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ ngày Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận;

d) Con bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng sau khi đủ 18 tuổi nếu suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên, không có thu nhập hàng tháng hoặc thu nhập hàng tháng thấp hơn 0,6 lần mức chuẩn được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ ngày Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận;

đ) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 18 tuổi trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa hoặc con dưới 18 tuổi mồ côi cả cha mẹ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng được hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng bằng 0,8 lần mức chuẩn.

Mục 3

LIỆT SĨ VÀ THÂN NHÂN LIỆT SĨ

Điều 17. Điều kiện xác nhận liệt sĩ

1. Người hy sinh thuộc một trong các trường hợp sau được xem xét xác nhận là liệt sĩ:

a) Chiến đấu bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia;

b) Trực tiếp phục vụ chiến đấu trong khi địch bắn phá: Tái đạn, cứu thương, tải thương, đảm bảo thông tin liên lạc, cứu chữa kho hàng, bảo vệ hàng hóa và các trường hợp đảm bảo chiến đấu;

c) Làm nghĩa vụ quốc tế mà bị chết trong khi thực hiện nhiệm vụ hoặc bị thương, bị bệnh phải đưa về nước điều trị và chết trong khi đang điều trị.

Trường hợp bị chết trong khi học tập, tham quan, du lịch, an dưỡng, chữa bệnh, thăm viếng hữu nghị; làm việc theo hợp đồng kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, lao động thì không thuộc diện xem xét xác nhận là liệt sĩ;

d) Trực tiếp tham gia đấu tranh chống lại hoặc ngăn chặn các hành vi nguy hiểm cho xã hội thuộc các tội được quy định trong Bộ luật Hình sự;

đ) Dũng cảm thực hiện công việc cấp bách, nguy hiểm phục vụ quốc phòng và an ninh;

e) Dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước và nhân dân;

g) Do ốm đau, tai nạn trong khi đang làm nhiệm vụ quốc phòng và an ninh ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

h) Khi đang trực tiếp làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ do cơ quan có thẩm quyền giao;

i) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh bị chết do vết thương tái phát (không áp dụng đối với thương binh loại B) trong các trường hợp sau:

Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên chết do vết thương tái phát có xác nhận của cơ sở y tế.

Suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80% chết trong khi đang điều trị vết thương tái phát tại bệnh viện cấp huyện hoặc tương đương trở lên;

k) Mất tin, mất tích quy định tại Điểm 1 Khoản 1 Điều 11 của Pháp lệnh sau khi cơ quan có thẩm quyền kết luận chưa có chứng cứ phản bội, đầu hàng, chiêu hồi, đào ngũ;

l) Trực tiếp làm nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu hoặc diễn tập phục vụ quốc phòng, an ninh có tính chất nguy hiểm: Bắn đạn thật, sử dụng thuốc nổ; huấn luyện, diễn tập chiến đấu của không quân, hải quân, cảnh sát biển và đặc công; chữa cháy; chống khủng bố, bạo loạn; giải thoát con tin; cứu hộ, cứu nạn, ứng cứu thảm họa thiên tai.

2. Không xem xét xác nhận liệt sĩ đối với:

a) Những trường hợp chết do tự bản thân gây nên hoặc do vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của cơ quan, đơn vị;

b) Những trường hợp chết từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước, cơ quan có thẩm quyền kết luận không đủ điều kiện xác nhận liệt sĩ hoặc đã báo tử theo chế độ tử sĩ hoặc quân nhân tử trận, tai nạn lao động.

Điều 18. Trách nhiệm lập hồ sơ, cấp giấy báo tử và xác nhận liệt sĩ

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, chính quyền địa phương có người hy sinh có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xác nhận liệt sĩ.

2. Cấp giấy báo tử:

a) Người hy sinh là quân nhân, công nhân viên quốc phòng do Thủ trưởng Trung đoàn hoặc cấp tương đương trở lên;

b) Người hy sinh là công an nhân dân, công nhân viên công an nhân dân do Giám đốc Công an cấp tỉnh hoặc cấp tương đương trở lên;

c) Người hy sinh thuộc cơ quan trung ương do Bộ trưởng hoặc cấp tương đương;

d) Người hy sinh thuộc cơ quan cấp tỉnh quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Người hy sinh thuộc cơ quan cấp huyện hoặc cấp xã và các trường hợp đóng trên địa bàn không thuộc quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng các Bộ và tương đương kiểm tra hồ sơ, thủ tục xác nhận liệt sĩ chuyển Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ cấp Bằng "Tổ quốc ghi công".

Điều 19. Hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi

1. Giấy báo tử.
2. Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ.
3. Quyết định cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và trợ cấp tiền tuất của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 20. Chế độ trợ cấp tiền tuất hàng tháng

1. Thân nhân của một liệt sĩ được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng bằng một lần mức chuẩn.
2. Thân nhân của hai liệt sĩ được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng bằng hai lần mức chuẩn.
3. Thân nhân của ba liệt sĩ trở lên được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng bằng ba lần mức chuẩn.
4. Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc lấy vợ khác thì được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng bằng một lần mức chuẩn.
5. Thân nhân của liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng mà chết, người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí; đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng ba tháng trợ cấp ưu đãi.

6. Thời điểm hưởng:

a) Người hy sinh từ ngày Pháp lệnh có hiệu lực thì cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, người có công nuôi dưỡng liệt sĩ, con dưới 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ tháng liền kề khi liệt sĩ hy sinh;

b) Người hy sinh trước ngày Pháp lệnh có hiệu lực thì cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;

c) Con bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng từ nhỏ, sau khi đủ 18 tuổi nếu suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ ngày Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận.

Con bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng sau khi đủ 18 tuổi nếu suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên, không có thu nhập hàng tháng hoặc thu nhập hàng tháng thấp hơn 0,6 lần mức chuẩn được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ ngày Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận;

d) Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc lấy vợ khác nhưng nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành hoặc chăm sóc bố mẹ liệt sĩ khi còn sống được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận thì được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ ngày Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định;

đ) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, người có công nuôi dưỡng liệt sĩ, con từ đủ 18 tuổi trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa hoặc con dưới 18 tuổi mồ côi cả cha mẹ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng được hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng bằng 0,8 lần mức chuẩn.

Điều 21. Trợ cấp thờ cúng liệt sĩ

1. Liệt sĩ không còn người hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng thì người thờ cúng được hưởng trợ cấp thờ cúng mỗi năm một lần, mức trợ cấp 500.000 đồng.

2. Hồ sơ hưởng trợ cấp:

a) Đơn đề nghị hưởng trợ cấp thờ cúng;

b) Biên bản ủy quyền;

c) Hồ sơ liệt sĩ;

d) Quyết định trợ cấp thờ cúng của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Mục 4

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

Điều 22. Hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi

1. Bản sao quyết định phong tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

2. Quyết định phụ cấp hàng tháng của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 23. Chế độ ưu đãi

1. Trợ cấp một lần.

2. Phụ cấp hàng tháng từ ngày Chủ tịch nước ký quyết định phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

3. Bà mẹ Việt Nam anh hùng sống ở gia đình được hưởng trợ cấp người phục vụ.

4. Khi Bà mẹ Việt Nam anh hùng chết, người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí; đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng ba tháng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

Điều 24. Trợ cấp người phục vụ

1. Mức trợ cấp hàng tháng bằng một lần mức chuẩn từ ngày Chủ tịch nước ký quyết định phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

2. Bà mẹ Việt Nam anh hùng được phong tặng trước ngày 01 tháng 9 năm 2012 hiện còn sống được hưởng trợ cấp người phục vụ từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

3. Hồ sơ hưởng trợ cấp:

a) Quyết định phụ cấp hàng tháng đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

b) Quyết định trợ cấp người phục vụ của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Mục 5

ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN, ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN

Điều 25. Hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi

1. Bản sao quyết định phong tặng hoặc truy tặng danh hiệu Anh hùng hoặc bản sao Bằng Anh hùng.

2. Quyết định trợ cấp của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trường hợp Anh hùng đang công tác trong Quân đội nhân dân Việt Nam thì Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam ra quyết định trợ cấp; đang công tác trong Công an nhân dân thì Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân ra quyết định trợ cấp.

Điều 26. Chế độ ưu đãi

1. Trợ cấp hàng tháng từ ngày Chủ tịch nước ký quyết định cấp Bằng “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”.

2. Khi Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến chết, người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí; đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng ba tháng trợ cấp ưu đãi.

3. Trợ cấp một lần đối với đại diện thân nhân hoặc người thờ cúng Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến (trường hợp được truy tặng hoặc đã chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).

Mục 6

THƯƠNG BINH

Điều 27. Điều kiện xác nhận

1. Người bị thương thuộc một trong các trường hợp sau được xem xét xác nhận là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (sau đây gọi chung là thương binh):

- a) Chiến đấu bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia;
 - b) Trực tiếp phục vụ chiến đấu trong khi địch bắn phá: Tái đạn, cứu thương, tái thương, đảm bảo thông tin liên lạc, cứu chữa kho hàng, bảo vệ hàng hóa và các trường hợp đảm bảo chiến đấu;
 - c) Hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tra tấn vẫn không khuất phục, kiên quyết đấu tranh, để lại thương tích thực thể;
 - d) Làm nghĩa vụ quốc tế mà bị thương trong khi thực hiện nhiệm vụ.
- Trường hợp bị thương trong khi học tập, tham quan, du lịch, an dưỡng, chữa bệnh, thăm viếng hữu nghị; làm việc theo hợp đồng kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, lao động thì không thuộc diện xem xét xác nhận là thương binh;
- đ) Trực tiếp tham gia đấu tranh chống lại hoặc ngăn chặn các hành vi gây nguy hiểm cho xã hội thuộc các tội được quy định trong Bộ luật Hình sự;
 - e) Dũng cảm thực hiện công việc cấp bách, nguy hiểm phục vụ quốc phòng, an ninh; dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước và nhân dân;
 - g) Trực tiếp làm nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu hoặc diễn tập phục vụ quốc phòng, an ninh có tính chất nguy hiểm: Bắn đạn thật, sử dụng thuốc nổ; huấn luyện, diễn tập chiến đấu của không quân, hải quân, cảnh sát biển và đặc công; chữa cháy; chống khủng bố, bạo loạn; giải thoát con tin; cứu hộ, cứu nạn, ứng cứu thảm họa thiên tai;
 - h) Làm nhiệm vụ quốc phòng và an ninh ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;
 - i) Khi đang trực tiếp làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ do cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Không xem xét xác nhận thương binh đối với:

- a) Những trường hợp bị thương do tự bản thân gây nên hoặc do vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của cơ quan, đơn vị;
- b) Những trường hợp bị thương từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước, đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận không đủ điều kiện xác nhận thương binh hoặc đã giải quyết chế độ tai nạn lao động.

Điều 28. Trách nhiệm lập hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận bị thương và Giấy chứng nhận thương binh, Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, chính quyền địa phương có người bị thương có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

2. Cấp giấy chứng nhận bị thương:

a) Người bị thương là quân nhân, công nhân viên quốc phòng do Thủ trưởng Trung đoàn hoặc cấp tương đương trở lên;

b) Người bị thương là công an nhân dân, công nhân viên công an nhân dân do Giám đốc Công an cấp tỉnh hoặc cấp tương đương trở lên;

c) Người bị thương thuộc cơ quan trung ương do Bộ trưởng hoặc cấp tương đương;

d) Người bị thương thuộc cơ quan cấp tỉnh quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Người bị thương thuộc cơ quan cấp huyện hoặc cấp xã và các trường hợp đóng trên địa bàn không thuộc quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Cấp Giấy chứng nhận thương binh, Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp thương tật:

a) Các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ra quyết định cấp Giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp, phụ cấp thương tật đối với những trường hợp quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều này;

b) Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp thương tật đối với những trường hợp quy định tại Điểm c, d, đ Khoản 2 Điều này.

Điều 29. Hồ sơ hưởng chế độ thương binh

1. Giấy chứng nhận bị thương.

2. Biên bản giám định thương tật của Hội đồng giám định y khoa.

3. Quyết định cấp Giấy chứng nhận thương binh, Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp thương tật.

Điều 30. Giám định lại thương tật

1. Người bị thương được kết luận thương tật tạm thời thì sau ba năm được giám định để xác định tỷ lệ thương tật vĩnh viễn.

2. Người bị thương đã giám định thương tật mà bị thương tiếp thì được giám định bổ sung và tổng hợp tỷ lệ suy giảm khả năng lao động để hưởng chế độ ưu đãi.

3. Người bị thương đã giám định thương tật nhưng còn sót vết thương chưa giám định thì được giám định bổ sung và tổng hợp tỷ lệ suy giảm khả năng lao động để hưởng chế độ ưu đãi.

4. Thương binh đã giám định có vết thương sau đây tái phát thì được giám định lại:

- a) Vết thương sọ não bị khuyết xương sọ hoặc còn mảnh kim khí trong sọ gây biến chứng dẫn đến rối loạn tâm thần hoặc liệt;
- b) Vết thương thâu phổi gây biến chứng dày dính màng phổi hoặc xẹp phổi dẫn đến phải cắt phổi hoặc thùy phổi;
- c) Vết thương ở tim dẫn đến phải phẫu thuật;
- d) Vết thương ổ bụng: Dạ dày hoặc ruột gây biến chứng ở dạ dày hoặc dính tắc ruột phải phẫu thuật;
- đ) Vết thương ở gan; mật, lách; tụy hoặc thận gây biến chứng phải phẫu thuật;
- e) Vết thương ở cột sống biến chứng gây liệt hoặc rối loạn cơ tròn đại tiểu tiện không tự chủ;
- g) Các vết thương ở tay hoặc ở chân tái phát phải phẫu thuật cắt đoạn chi;
- h) Vết thương ở mắt tái phát dẫn đến mù mắt; vết thương ở tai gây mất hoàn toàn sức nghe hai tai.

5. Không giám định lại những trường hợp sau:

- a) Thương binh đã được giám định do vết thương cũ tái phát;
- b) Thương binh loại B.

Điều 31. Chế độ ưu đãi

1. Thương binh suy giảm khả năng lao động do thương tật từ 81% trở lên được hưởng phụ cấp hàng tháng.

Trường hợp có vết thương đặc biệt nặng: Cụt hoặc liệt hoàn toàn hai chi trở lên; mù hai mắt; tâm thần nặng dẫn đến không tự lực được trong sinh hoạt hưởng phụ cấp đặc biệt hàng tháng. Thương binh hưởng phụ cấp đặc biệt hàng tháng thì không hưởng phụ cấp hàng tháng.

2. Thương binh suy giảm khả năng lao động do thương tật từ 81% trở lên sống ở gia đình được trợ cấp người phục vụ.

3. Người bị thương được Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận suy giảm khả năng lao động do thương tật từ 5% đến dưới 21% được hưởng trợ cấp một lần.

4. Thời điểm hưởng:

a) Đối với người bị thương từ ngày Pháp lệnh có hiệu lực thì được hưởng trợ cấp hàng tháng từ tháng liền kề khi bị thương;

b) Đối với người bị thương trước ngày Pháp lệnh có hiệu lực thì được hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

5. Đối với thương binh đồng thời là bệnh binh:

a) Trường hợp đã giám định tách riêng tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do bệnh tật và tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật thì được hưởng đồng thời trợ cấp thương binh và trợ cấp bệnh binh. Thời điểm hưởng thêm một chế độ trợ cấp được tính từ ngày Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định trợ cấp.

b) Trường hợp đã giám định gộp tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do bệnh tật và tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật:

Được hưởng đồng thời trợ cấp thương binh và trợ cấp bệnh binh nếu có thời gian công tác liên tục trong quân đội, công an từ đủ 15 năm trở lên hoặc chưa đủ 15 năm công tác liên tục trong quân đội, công an nhưng cộng thời gian công tác thực tế trước đó có đủ 20 năm trở lên.

Được hưởng đồng thời trợ cấp thương binh và trợ cấp bệnh binh nếu sau khi đã trừ tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật mà tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do bệnh tật còn từ 41% trở lên, mức trợ cấp được hưởng theo tỷ lệ suy giảm khả năng lao động đã trừ.

Được chọn hưởng một trong hai chế độ trợ cấp nếu sau khi đã trừ tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật mà tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do bệnh tật còn dưới 41%.

Thời điểm hưởng thêm một chế độ trợ cấp được tính từ ngày Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định trợ cấp.

Điều 32. Chế độ ưu đãi đối với thân nhân khi thương binh chết

1. Khi thương binh chết, người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí; đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng ba tháng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

2. Thương binh suy giảm khả năng lao động do thương tật từ 61% trở lên chết, thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng như sau:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng từ đủ 60 tuổi trở lên đối với nam, từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nữ; con dưới 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ tháng liền kề khi thương binh chết;

b) Con bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng từ nhỏ, sau khi đủ 18 tuổi nếu suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ ngày Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận;

c) Con bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng sau khi đủ 18 tuổi nếu suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên, không có thu nhập hàng tháng hoặc thu nhập hàng tháng thấp hơn 0,6 lần mức chuẩn được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ ngày Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận;

d) Trường hợp khi thương binh chết mà cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng chưa đủ 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ thì được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi đủ 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ;

đ) Trường hợp thương binh chết trước ngày 01 tháng 01 năm 2013 thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất như sau:

Đến ngày 01 tháng 01 năm 2013 mà cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng thương binh chưa đủ 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ thì được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi đủ 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ; trường hợp đã đủ 60 tuổi trở lên đối với nam, 55 tuổi trở lên đối với nữ thì được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

e) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 18 tuổi trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa hoặc con dưới 18 tuổi mồ côi cả cha mẹ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng được hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng bằng 0,8 lần mức chuẩn.

3. Thương binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên chết do vết thương tái phát được xác nhận là liệt sĩ thì thân nhân được chuyển hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng của thân nhân liệt sĩ. Thời điểm hưởng theo quy định tại Khoản 6 Điều 20 của Nghị định này.

Mục 7

BỆNH BINH

Điều 33. Điều kiện xác nhận

1. Người bị mắc bệnh thuộc một trong các trường hợp sau được xem xét xác nhận là bệnh binh:

- a) Chiến đấu bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia;
- b) Trực tiếp phục vụ chiến đấu trong khi địch bắn phá: Tái đạn, cứu thương, tải thương, đảm bảo thông tin liên lạc, cứu chữa kho hàng, bảo vệ hàng hóa và các trường hợp đảm bảo chiến đấu;
- c) Hoạt động liên tục ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 15 tháng trở lên;
- d) Hoạt động ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật chưa đủ 15 tháng nhưng có đủ 10 năm trở lên công tác trong quân đội nhân dân, công an nhân dân;
- đ) Làm nghĩa vụ quốc tế mà mắc bệnh trong khi thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp mắc bệnh trong khi học tập, tham quan, du lịch, an dưỡng, chữa bệnh, thăm

viếng hữu nghị; làm việc theo hợp đồng kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, lao động thì không thuộc diện xem xét xác nhận là bệnh binh;

e) Thực hiện công việc cấp bách, nguy hiểm phục vụ quốc phòng và an ninh;

g) Khi đang làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ do cơ quan có thẩm quyền giao;

h) Mắc bệnh do một trong các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản này đã xuất ngũ mà bệnh cũ tái phát dẫn đến tâm thần;

i) Đã có đủ 15 năm công tác trong quân đội nhân dân, công an nhân dân nhưng không đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng chế độ hưu trí.

2. Không xem xét xác nhận bệnh binh đối với những trường hợp bị bệnh do tự bản thân gây nên hoặc do vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của cơ quan, đơn vị.

Điều 34. Trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận bệnh tật và Giấy chứng nhận bệnh binh

1. Cấp Giấy chứng nhận bệnh tật:

a) Người mắc bệnh là quân nhân do Thủ trưởng Trung đoàn hoặc cấp tương đương trở lên;

b) Người mắc bệnh là công an nhân dân do Thủ trưởng đơn vị cấp vụ, Giám đốc Công an cấp tỉnh hoặc cấp tương đương trở lên.

2. Các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ra quyết định cấp Giấy chứng nhận bệnh binh và trợ cấp, phụ cấp bệnh tật.

Điều 35. Hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi

1. Giấy chứng nhận bệnh tật.

2. Biên bản giám định bệnh tật của Hội đồng giám định y khoa.

3. Quyết định cấp Giấy chứng nhận bệnh binh và trợ cấp, phụ cấp bệnh tật.

Điều 36. Chế độ ưu đãi

1. Bệnh binh suy giảm khả năng lao động do bệnh tật từ 81% trở lên được hưởng phụ cấp hàng tháng.

Trường hợp có bệnh tật đặc biệt nặng: Cụt hoặc liệt hai chi trở lên; mù hai mắt; tâm thần nặng dẫn đến không tự lực được trong sinh hoạt hưởng phụ cấp đặc biệt hàng tháng. Bệnh binh hưởng phụ cấp đặc biệt hàng tháng thì không hưởng phụ cấp hàng tháng.

2. Bệnh binh suy giảm khả năng lao động do bệnh tật từ 81% trở lên sống ở gia đình được hưởng trợ cấp người phục vụ.

3. Trợ cấp hàng tháng từ ngày Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

Điều 37. Chế độ ưu đãi đối với thân nhân khi bệnh binh chết

1. Khi bệnh binh chết, người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí; đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng ba tháng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

2. Bệnh binh suy giảm khả năng lao động do bệnh tật từ 61% trở lên chết, thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng như sau:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng từ đủ 60 tuổi trở lên đối với nam, từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nữ; con dưới 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ tháng liền kề khi bệnh binh chết;

b) Con bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng từ nhỏ, sau khi đủ 18 tuổi nếu suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ ngày Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận;

c) Con bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng sau khi đủ 18 tuổi nếu suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên, không có thu nhập hàng tháng hoặc thu nhập hàng tháng thấp hơn 0,6 lần mức chuẩn được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ ngày Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận;

d) Trường hợp khi bệnh binh chết mà cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng chưa đủ 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ thì được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi đủ 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ;

đ) Trường hợp bệnh binh chết trước ngày 01 tháng 01 năm 2013 thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất như sau:

Đến ngày 01 tháng 01 năm 2013 mà cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng bệnh binh chưa đủ 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ thì được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi đủ 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ; trường hợp đã đủ 60 tuổi trở lên đối với nam, 55 tuổi trở lên đối với nữ thì được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

e) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 18 tuổi trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa hoặc con dưới 18 tuổi mồ côi cả cha mẹ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng được hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng bằng 0,8 lần mức chuẩn.

Mục 8**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÁNG CHIẾN BỊ NHIỄM CHẤT ĐỘC HÓA HỌC****Điều 38. Đối tượng xác nhận**

1. Cán bộ, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng thuộc quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên thuộc lực lượng Công an nhân dân.
3. Cán bộ, công nhân viên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.
4. Thanh niên xung phong tập trung.
5. Công an xã; dân quân; du kích; tự vệ; dân công; cán bộ thôn, ấp, xã, phường.

Điều 39. Điều kiện xác nhận

1. Đã công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu từ ngày 01 tháng 8 năm 1961 đến 30 tháng 4 năm 1975 tại các vùng mà quân đội Mỹ đã sử dụng chất độc hóa học ở chiến trường B, C, K (kể cả 10 xã: Vĩnh Quang, Vĩnh Giang, Vĩnh Tân, Vĩnh Thành, Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà, Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn và Vĩnh Thủy thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị).

2. Do nhiễm chất độc hóa học dẫn đến một trong các trường hợp bệnh tật sau:

- a) Mắc bệnh theo danh mục bệnh tật do Bộ Y tế quy định làm suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên;
- b) Vô sinh;
- c) Sinh con dị dạng, dị tật theo danh mục dị dạng, dị tật do Bộ Y tế quy định.

Điều 40. Trách nhiệm xác nhận

1. Các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ, tổ chức giám định, cấp Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và ra quyết định trợ cấp, phụ cấp đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 38 của Nghị định này đang tại ngũ.

2. Đối với các trường hợp quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 38 của Nghị định này được thực hiện như sau:

- a) Giám đốc Sở Y tế cấp Giấy chứng nhận bệnh tật; dị dạng, dị tật do nhiễm chất độc hóa học;
- b) Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và ra quyết định trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

Điều 41. Hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

1. Giấy tờ chứng minh có thời gian tham gia kháng chiến ở vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học.
2. Bản sao bệnh án điều trị tại cơ sở y tế có thẩm quyền do Bộ Y tế quy định.
3. Biên bản giám định của Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền.

4. Giấy chứng nhận bệnh tật; dị dạng, dị tật do nhiễm chất độc hóa học của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 38 của Nghị định này hoặc của Giám đốc Sở Y tế đối với các trường hợp quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 38 của Nghị định này.

5. Quyết định trợ cấp, phụ cấp của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 42. Chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

1. Trợ cấp hàng tháng theo mức độ suy giảm khả năng lao động từ ngày Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận, cụ thể như sau:

- a) Suy giảm khả năng lao động từ 21% - 40%: Mức trợ cấp bằng 0,76 lần mức chuẩn;
- b) Suy giảm khả năng lao động từ 41% - 60%: Mức trợ cấp bằng 1,27 lần mức chuẩn;
- c) Suy giảm khả năng lao động từ 61% - 80%: Mức trợ cấp bằng 1,78 lần mức chuẩn;
- d) Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên: Mức trợ cấp bằng 2,28 lần mức chuẩn.

2. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động do bệnh tật từ 81% trở lên được hưởng phụ cấp như bệnh binh cùng tỷ lệ suy giảm khả năng lao động.

3. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, sống ở gia đình được trợ cấp người phục vụ bằng một lần mức chuẩn.

4. Khi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học chết, người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí; đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng ba tháng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

5. Khi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên chết, thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng như thân nhân của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên chết.

Trường hợp con đẻ từ đủ 18 tuổi trở lên nếu đang hưởng trợ cấp hàng tháng đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học thì không hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng đối với thân nhân người có công từ trần.

6. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được công nhận và đang hưởng chế độ trước ngày 01 tháng 9 năm 2012 thì thực hiện như sau:

a) Nếu đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo mức suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên thì tiếp tục hưởng theo chế độ hiện hưởng;

b) Nếu đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo mức suy giảm khả năng lao động dưới 81% và trong biên bản giám định y khoa đã xác định tỷ lệ suy giảm khả năng

lao động thì chuyển hưởng trợ cấp hàng tháng theo các mức quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều này từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;

c) Nếu đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo mức suy giảm khả năng lao động dưới 81% và chưa được xác định tỷ lệ suy giảm khả năng lao động thì tạm thời được bảo lưu mức trợ cấp đang hưởng. Trong thời gian bảo lưu, những trường hợp có nguyện vọng được giám định thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giới thiệu đến Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền và ra quyết định điều chỉnh trợ cấp theo các mức quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều này từ ngày Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận.

Sau ngày 31 tháng 12 năm 2013, những trường hợp không giám định tỷ lệ suy giảm khả năng lao động thì chuyển hưởng trợ cấp như người suy giảm khả năng lao động từ 41% đến 60%;

d) Nếu đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo mức suy giảm khả năng lao động dưới 81% đồng thời sinh con dị dạng, dị tật hoặc vô sinh do nhiễm chất độc hóa học mà giám định không kết luận được tỷ lệ suy giảm khả năng lao động hoặc kết luận tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do nhiễm chất độc hóa học dưới 61% thì chuyển hưởng trợ cấp như người suy giảm khả năng lao động từ 41% đến 60% từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

7. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được công nhận từ ngày 01 tháng 9 năm 2012 được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 43. Chế độ trợ cấp người phục vụ

1. Mức trợ cấp bằng một lần mức chuẩn.

2. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên được xác nhận trước ngày 01 tháng 9 năm 2012 thì thời điểm hưởng trợ cấp người phục vụ từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

3. Hồ sơ hưởng trợ cấp

a) Quyết định trợ cấp, phụ cấp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

b) Quyết định trợ cấp người phục vụ của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 44. Hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

1. Giấy tờ chứng minh có thời gian tham gia kháng chiến ở vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học của bố hoặc mẹ hoặc bản sao quyết định trợ cấp, phụ cấp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học của bố hoặc mẹ.

2. Bản sao giấy khai sinh.
3. Biên bản giám định của Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền.
4. Giấy chứng nhận dị dạng, dị tật do ảnh hưởng của chất độc hóa học của Giám đốc Sở Y tế.
5. Quyết định trợ cấp của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 45. Chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

1. Trợ cấp hàng tháng

Mức 1: Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, mức trợ cấp bằng một lần mức chuẩn.

Mức 2: Suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%, mức trợ cấp bằng 0,6 lần mức chuẩn.

Thời điểm hưởng trợ cấp từ ngày Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận.

2. Cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình cần thiết căn cứ vào tình trạng dị dạng, dị tật.

3. Khi con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Khoản 1 Điều này chết thì người tổ chức mai táng được hưởng mai táng phí; đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng ba tháng trợ cấp ưu đãi.

Mục 9

**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG
HOẶC HOẠT ĐỘNG KHÁNG CHIẾN BỊ ĐỊCH BẮT TÙ, ĐÀY**

Điều 46. Hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi

1. Giấy tờ chứng minh có tham gia cách mạng hoặc kháng chiến và thời gian, địa điểm bị tù, đày hoặc hồ sơ hưởng trợ cấp một lần đối với người đã hưởng trợ cấp một lần hiện còn sống.

2. Quyết định trợ cấp của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 47. Chế độ trợ cấp hàng tháng

1. Trợ cấp hàng tháng bằng 0,6 lần mức chuẩn.

2. Thời điểm hưởng:

a) Đối với người đã hưởng trợ cấp một lần hiện còn sống: Thời điểm hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngày 01 tháng 9 năm 2012;

b) Đối với người được công nhận từ ngày 01 tháng 9 năm 2012 trở về sau: Thời điểm hưởng trợ cấp từ ngày Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định.

Điều 48. Chế độ ưu đãi khi người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày chết

1. Người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày đang được hưởng trợ cấp hàng tháng chết thì người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí; đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng ba tháng trợ cấp ưu đãi.

2. Người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày thì đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng 1,5 lần mức chuẩn.

Mục 10

**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÁNG CHIẾN GIẢI PHÓNG DÂN TỘC,
BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ LÀM NGHĨA VỤ QUỐC TẾ**

Điều 49. Hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi

1. Giấy tờ chứng minh đã được khen tặng Huân chương Kháng chiến hoặc Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến hoặc Huy chương Chiến thắng.
2. Quyết định trợ cấp một lần của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 50. Chế độ ưu đãi

1. Trợ cấp một lần theo thời gian tham gia kháng chiến.
2. Khi người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế chết, người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí.

Mục 11

NGƯỜI CÓ CÔNG GIÚP ĐỠ CÁCH MẠNG

Điều 51. Hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi

1. Giấy tờ chứng minh đã được khen tặng vì thành tích giúp đỡ cách mạng.
2. Quyết định trợ cấp của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 52. Chế độ ưu đãi

1. Người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước"; người có công giúp đỡ cách mạng trong

gia đình được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" trước cách mạng tháng Tám năm 1945 được hưởng chế độ ưu đãi từ ngày Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định:

a) Trợ cấp hàng tháng

Trường hợp sống cô đơn không nơi nương tựa được hưởng thêm trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng bằng 0,8 lần mức chuẩn;

b) Các chế độ ưu đãi khác như thân nhân liệt sĩ quy định tại Điều 14 của Pháp lệnh.

2. Người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến; người có công giúp đỡ cách mạng trong gia đình được tặng Huân chương kháng chiến được hưởng chế độ ưu đãi từ ngày Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định:

a) Trợ cấp hàng tháng.

Trường hợp sống cô đơn không nơi nương tựa được hưởng thêm trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng bằng 0,8 lần mức chuẩn;

b) Khi người có công giúp đỡ cách mạng chết thì người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí; đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng ba tháng trợ cấp ưu đãi.

3. Người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến; người có công giúp đỡ cách mạng trong gia đình được tặng Huy chương kháng chiến được hưởng:

a) Trợ cấp một lần;

b) Khi người có công giúp đỡ cách mạng chết thì người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí.

Chương III

MỘT SỐ CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI KHÁC

Điều 53. Chế độ chăm sóc sức khỏe

1. Người có công với cách mạng và thân nhân được Nhà nước mua bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

2. Người có công với cách mạng đang được nuôi dưỡng tại cơ sở của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thì hưởng chế độ điều trị.

3. Người có công với cách mạng sống ở gia đình và thân nhân đã được quy định tại Pháp lệnh hưởng mức chi điều dưỡng như sau:

a) Điều dưỡng tập trung là 2.220.000 đồng/người/lần;

b) Điều dưỡng tại nhà là 1.110.000 đồng/người/lần.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính điều chỉnh mức chi điều dưỡng đối với người có công với cách mạng căn cứ vào khả năng ngân sách Nhà nước có tính đến yếu tố trượt giá.

4. Người có công với cách mạng và thân nhân theo quy định của Pháp lệnh được phục hồi chức năng lao động, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình.

Điều 54. Chế độ ưu đãi trong giáo dục

1. Hỗ trợ học phí và trợ cấp mỗi năm học một lần đối với người có công với cách mạng và con của họ theo quy định của Pháp lệnh khi học tại các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục nghề nghiệp có khóa học từ một năm trở lên hoặc cơ sở giáo dục đại học.

2. Trợ cấp hàng tháng đối với người có công với cách mạng và con của họ theo quy định của Pháp lệnh khi học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có khóa học từ một năm trở lên hoặc cơ sở giáo dục đại học.

Không áp dụng chế độ này đối với trường hợp đang hưởng lương hoặc sinh hoạt phí khi đi học.

3. Người có công với cách mạng và con của họ đang theo học tại các cơ sở thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thì hưởng ưu đãi theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công.

4. Người có công với cách mạng và con của họ nếu đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc nhiều khoa, nhiều ngành trong cùng một trường thì được hưởng một chế độ ưu đãi.

5. Không áp dụng chế độ ưu đãi giáo dục đối với người có công với cách mạng và con của họ trong trường hợp đã hưởng chế độ ưu đãi tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học.

Điều 55. Chế độ ưu đãi về nhà ở

1. Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ được hỗ trợ cải thiện nhà ở tùy theo hoàn cảnh, công lao đóng góp của từng người và khả năng của Nhà nước, địa phương.

Việc hỗ trợ cải thiện nhà ở căn cứ vào chế độ ưu đãi cao nhất mà người đó được hưởng và chỉ giải quyết một lần.

2. Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ nếu mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước thì được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ nếu được Nhà nước giao đất làm nhà ở thì tùy theo công lao đóng góp sẽ được giảm một phần tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Chương IV **QUẢN LÝ MỘ VÀ CÔNG TRÌNH GHI CÔNG LIỆT SĨ**

Mục 1 **TÌM KIẾM, QUY TẬP VÀ XÁC ĐỊNH HÀI CỐT LIỆT SĨ** **CÒN THIẾU THÔNG TIN**

Điều 56. Trách nhiệm tìm kiếm, quy tập

1. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ trong và ngoài nước.
2. Ủy ban nhân dân các cấp hoặc các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan của Bộ Quốc phòng trong việc tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện nơi có hài cốt liệt sĩ hoặc khả năng còn hài cốt liệt sĩ có trách nhiệm thông báo với cơ quan quân sự địa phương để tổ chức khảo sát và kết luận.
4. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia phát hiện và cung cấp thông tin về nơi chôn cất liệt sĩ.

Điều 57. Nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập

1. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách và tổ chức thực hiện công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.
2. Xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp thông tin liệt sĩ để tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.
3. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.
4. Cơ quan, đơn vị quy tập hài cốt liệt sĩ có trách nhiệm lập hồ sơ bao gồm: Sơ đồ, vị trí nơi phát hiện ra mộ, biên bản hài cốt, di vật (nếu có) để bàn giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi an táng hài cốt liệt sĩ.

Điều 58. An táng hài cốt liệt sĩ

1. Bàn giao hài cốt liệt sĩ như sau:

a) Hài cốt liệt sĩ đã xác định được thông tin:

Đơn vị quy tập bàn giao hài cốt cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo nguyện vọng của thân nhân liệt sĩ.

Trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân thì đơn vị quy tập bàn giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo nguyện vọng của người thờ cúng liệt sĩ;

b) Hài cốt liệt sĩ chưa xác định được thông tin thì đơn vị quy tập bàn giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quy tập;

c) Hải cốt liệt sĩ quân tình nguyện chưa xác định được thông tin thì đơn vị quy tập bàn giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi được giao đón nhận;

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi an táng hải cốt liệt sĩ tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Khoản 4 Điều 57 của Nghị định này.

2. Tổ chức an táng hải cốt liệt sĩ

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng tổ chức lễ đón nhận và an táng hải cốt liệt sĩ quân tình nguyện;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lễ đón nhận và an táng hải cốt liệt sĩ do các đơn vị tìm kiếm, quy tập trong nước;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lễ đón nhận và an táng hải cốt liệt sĩ đối với trường hợp hải cốt liệt sĩ được di chuyển theo nguyện vọng của thân nhân hoặc người thờ cúng liệt sĩ.

Điều 59. Xác định hải cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện:

- a) Xây dựng hệ thống dữ liệu về liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ;
- b) Tiếp nhận, xử lý thông tin để xác định hải cốt liệt sĩ;
- c) Thông báo kết quả xác định hải cốt liệt sĩ;
- d) Báo tin phần mộ liệt sĩ có đủ thông tin tới thân nhân liệt sĩ.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, các cơ quan chức năng và các tổ chức quốc tế tổ chức giám định gen để xác định hải cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

Mục 2

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ CÁC CÔNG TRÌNH GHI CÔNG LIỆT SĨ

Điều 60. Công trình ghi công liệt sĩ

1. Công trình ghi công liệt sĩ được xây dựng bảo đảm mỹ quan, bền vững, phù hợp với phong tục, tập quán của từng địa phương.

Nghĩa trang liệt sĩ là nơi chỉ an táng hải cốt liệt sĩ, được xây dựng trang nghiêm thể hiện lòng tôn kính đối với các liệt sĩ.

Đài tưởng niệm liệt sĩ được xây dựng ở trung tâm chính trị, văn hóa của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trung tâm của huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh không có nghĩa trang liệt sĩ hoặc nơi có chiến tích lịch sử tiêu biểu.

Đền thờ liệt sĩ là nơi thờ và ghi danh các liệt sĩ, được xây dựng ở nơi có chiến tích lịch sử tiêu biểu.

Nhà bia ghi tên liệt sĩ được xây dựng tại các xã, phường, thị trấn, quận huyện không có nghĩa trang liệt sĩ.

2. Công trình ghi công liệt sĩ được xây dựng phù hợp với quy hoạch trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu tôn vinh, thăm viếng liệt sĩ của nhân dân, giáo dục truyền thống cách mạng.

Điều 61. Kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình ghi công liệt sĩ

1. Công trình ghi công liệt sĩ được đầu tư từ ngân sách Nhà nước và đóng góp của cộng đồng.

2. Ngân sách trung ương chi đầu tư xây dựng, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ từ nguồn vốn sự nghiệp. Tổng mức đầu tư căn cứ số lượng mộ trong nghĩa trang và nơi có chiến tích lịch sử tiêu biểu, căn cứ địa cách mạng.

3. Ngân sách trung ương chi hỗ trợ các địa phương trong việc xây dựng đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ theo quy định của pháp luật.

4. Ngân sách địa phương chi:

- a) Xây dựng, nâng cấp đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ;
- b) Tu bổ, sửa chữa thường xuyên mộ, nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ.

5. Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân ủng hộ kinh phí để xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình ghi công liệt sĩ.

Điều 62. Mộ liệt sĩ

1. Mộ liệt sĩ trong cùng một nghĩa trang liệt sĩ phải được xây dựng thống nhất về kích thước, quy cách.

2. Nội dung trên bia mộ liệt sĩ được ghi thống nhất theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Mộ liệt sĩ tại nghĩa trang dòng họ do gia đình quản lý được hỗ trợ kinh phí một lần để xây vỏ mộ mức 2.500.000 đồng.

4. Cơ quan quản lý nghĩa trang liệt sĩ lập hồ sơ và quản lý phần mộ trong nghĩa trang liệt sĩ.

Điều 63. Quản lý, chăm sóc công trình ghi công liệt sĩ

1. Công trình ghi công liệt sĩ phải được thường xuyên chăm sóc, quản lý, sửa chữa, tu bổ.

2. Nhà nước khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia chăm sóc, giữ gìn công trình ghi công liệt sĩ.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định biên chế quản trang đối với nghĩa trang liệt sĩ.

Mục 3

THĂM VIẾNG, DI CHUYỂN MỘ LIỆT SĨ

Điều 64. Thăm viếng mộ liệt sĩ

1. Thân nhân liệt sĩ hoặc người thờ cúng liệt sĩ được hỗ trợ khi thăm viếng mộ liệt sĩ trong nước đối với các trường hợp sau:

a) Mộ liệt sĩ có đầy đủ thông tin an táng tại nghĩa trang liệt sĩ;

b) Trường hợp liệt sĩ chưa xác định được mộ cụ thể trong nghĩa trang liệt sĩ nhưng có tên trong danh sách quản lý của nghĩa trang;

c) Liệt sĩ có thông tin địa phương nơi hy sinh ghi trong giấy báo tử hoặc theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy báo tử.

2. Thân nhân liệt sĩ (không quá ba người) hoặc người thờ cúng liệt sĩ khi thăm viếng mộ liệt sĩ được nhà nước hỗ trợ tiền đi lại và tiền ăn mỗi năm một lần.

Điều 65. Di chuyển hài cốt liệt sĩ

1. Mộ liệt sĩ có đầy đủ thông tin an táng trong nghĩa trang liệt sĩ được di chuyển theo nguyện vọng của thân nhân hoặc người thờ cúng liệt sĩ.

2. Nhà nước hỗ trợ tiền đi lại và tiền ăn đối với thân nhân liệt sĩ hoặc người được thân nhân liệt sĩ ủy quyền hoặc người thờ cúng liệt sĩ (không quá ba người) khi di chuyển hài cốt liệt sĩ; hỗ trợ kinh phí cất bốc và di chuyển hài cốt liệt sĩ.

3. Không hỗ trợ kinh phí di chuyển hài cốt liệt sĩ đối với những trường hợp đã được di chuyển theo nguyện vọng của thân nhân hoặc người thờ cúng liệt sĩ.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 66. Xử lý đối với người vi phạm pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng

1. Người nào có một trong các hành vi vi phạm sau đây tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Giả mạo hoặc khai man giấy tờ để hưởng chế độ ưu đãi người có công;

b) Giả mạo hoặc khai man giấy tờ để hưởng thêm chế độ ưu đãi người có công;

c) Giả mạo hoặc chứng nhận sai sự thật để người khác hưởng chế độ ưu đãi người có công;

Người vi phạm tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều này bị đình chỉ các chế độ ưu đãi đã hưởng do giả mạo hoặc khai man giấy tờ, buộc hoàn trả các chế độ ưu đãi đã hưởng sai.

2. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước và quyền lợi của người có công thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 67. Xử lý đối với người đang hưởng chế độ ưu đãi theo Pháp lệnh mà phạm tội

1. Trường hợp người phạm tội quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 44 của Pháp lệnh bị bắt tạm giam thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tạm dừng chế độ ưu đãi từ tháng liền kề khi có quyết định tạm giam.

2. Trường hợp người phạm tội đã bị kết án thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Ra Quyết định tạm đình chỉ chế độ ưu đãi đối với người phạm tội quy định tại Khoản 1 Điều 44 của Pháp lệnh trong thời gian chấp hành hình phạt tù từ tháng liền kề khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ra quyết định phục hồi chế độ ưu đãi từ tháng liền kề khi có quyết định chấp hành xong hình phạt tù của cơ quan có thẩm quyền;

b) Ra quyết định đình chỉ chế độ ưu đãi đối với người phạm tội quy định tại Khoản 2 Điều 44 của Pháp lệnh từ tháng liền kề khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chương VI TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ

Điều 68. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ, thẩm quyền xác nhận; kiểm tra, thanh tra việc chấp hành chính sách đối với người có công với cách mạng và thân nhân của họ.

2. Hướng dẫn việc chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng, phụ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần; điều dưỡng, mua bảo hiểm y tế, trang cấp dụng cụ chỉnh hình; chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và thân nhân người có công.

3. Quy hoạch, hướng dẫn thực hiện quy hoạch công trình ghi công liệt sĩ; quy định về công tác quản lý công trình ghi công liệt sĩ.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tiếp nhận hài cốt liệt sĩ, xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin và thông tin về mộ liệt sĩ.

5. Hướng dẫn xây dựng mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; tiêu chuẩn, chính sách đối với người làm công tác quản trang tại nghĩa trang liệt sĩ.

6. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức các phong trào đền ơn đáp nghĩa; quản lý Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”; tuyên truyền, vận động, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng, nhân rộng điển hình tiên tiến trong lĩnh vực người có công.

7. Chủ trì, phối hợp với các Bộ có liên quan quy định chế độ, định mức, phương thức trang cấp dụng cụ chỉnh hình và phương tiện trợ giúp cho người có công với cách mạng.

8. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo việc thực hiện pháp luật về người có công với cách mạng.

9. Thực hiện hợp tác quốc tế về người có công với cách mạng.

10. Thực hiện công tác thống kê về người có công với cách mạng.

11. Phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 69. Bộ Quốc phòng

1. Hướng dẫn về trình tự, thủ tục xác nhận, tổ chức thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.

2. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

3. Điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật về hành vi vi phạm pháp luật trong việc xác lập hồ sơ và thực hiện chế độ ưu đãi người có công thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 70. Bộ Công an

1. Hướng dẫn về trình tự, thủ tục xác nhận, tổ chức thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thuộc Bộ Công an quản lý.

2. Điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật về hành vi vi phạm pháp luật trong việc xác lập hồ sơ và thực hiện chế độ ưu đãi người có công.

Điều 71. Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc lập, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc miễn, giảm thuế đối với người có công với cách mạng và hỗ trợ cơ sở vật chất, nguồn vốn cho các cơ sở sản xuất kinh doanh.

3. Bảo đảm ngân sách thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

4. Kiểm tra, thanh tra việc sử dụng ngân sách thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

Điều 72. Bộ Y tế

1. Hướng dẫn, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, bảo hiểm y tế đối với người có công với cách mạng.

2. Ban hành danh mục bệnh tật, dị dạng, dị tật do nhiễm chất độc hóa học để xác nhận người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học.

3. Hướng dẫn, quy định về tiêu chuẩn thương tật, bệnh tật, dị dạng, dị tật và tổ chức khám, giám định đối với thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và con của người có công.

4. Hướng dẫn phương pháp tổng hợp tỷ lệ trong khám giám định tỷ lệ suy giảm khả năng lao động.

Điều 73. Bộ Xây dựng

Chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ bảo đảm phù hợp với hoàn cảnh, công lao đóng góp của từng nhóm đối tượng và khả năng ngân sách.

Điều 74. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hướng dẫn thực hiện chế độ ưu tiên, ưu đãi trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp bằng các hình thức ưu tiên giúp đỡ về giống cây trồng, vật nuôi, thủy lợi phí, chế biến nông sản, lâm sản, áp dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất; ưu đãi trong khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và khuyến diêm và phát triển ngành nghề ở nông thôn đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ.

Điều 75. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính bố trí nguồn lực thực hiện chế độ ưu đãi quy định tại Nghị định này.

Điều 76. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn thực hiện chế độ ưu đãi đối với người sử dụng đất là người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ; đất dành riêng cho các công trình ghi công liệt sĩ, các cơ sở sản xuất, kinh doanh của thương binh, bệnh binh, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, chỉnh hình, phục hồi chức năng cho thương binh, bệnh binh và những người có công với cách mạng khác.

Điều 77. Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Hướng dẫn thực hiện việc ưu tiên trong tuyển sinh, đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ tại các cơ sở thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Hướng dẫn các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân tham gia chăm sóc, giữ gìn các công trình ghi công liệt sĩ.

Điều 78. Bộ Nội vụ

Hướng dẫn thủ tục tặng Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù, đày và khen thưởng đối với người có công với cách mạng.

**Chương VII
TRÁCH NHIỆM THI HÀNH****Điều 79. Trách nhiệm chung**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, thanh tra chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của họ quy định tại Nghị định này.

Điều 80. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2013.

2. Các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của họ quy định tại Nghị định này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

3. Chế độ đối với người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; trợ cấp người phục vụ đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên được thực hiện từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

4. Tiếp tục xác nhận những hồ sơ đã hoàn thiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực. Những hồ sơ chưa hoàn thiện hoặc mới lập thì thực hiện theo hướng dẫn mới.

5. Bãi bỏ Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định số 16/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định về tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, quản lý mộ, nghĩa trang, đài tưởng niệm, bia ghi tên liệt sĩ; Nghị định số 89/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
DANH MỤC NGÀY KHỞI NGHĨA TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG
TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2013/NĐ-CP
ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ)*

Ngày khởi nghĩa	Tên địa phương
14/8/1945	Quảng Ngãi
18/8/1945	Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam
19/8/1945	Hà Nội, Thái Bình, Phúc Yên, Khánh Hòa
20/8/1945	Thanh Hóa, Bắc Ninh, Ninh Bình, Thái Nguyên, Sơn Tây
21/8/1945	Yên Bái, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Nam Định, Nghệ An, Ninh Thuận, Tân An
22/8/1945	Cao Bằng, Hưng Yên, Kiến An
23/8/1945	Hải Phòng, Hà Đông, Hòa Bình, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định, Lâm Viên, Gia Lai, Bạc Liêu, Thừa Thiên - Huế.
24/8/1945	Hà Nam, Đắk Lắk, Buôn Mê Thuật, Phú Yên, Gò Công, Mỹ Tho, Sài Gòn
25/8/1945	Lạng Sơn, Phú Thọ, Kon Tum, Bình Thuận, Chợ Lớn, Gia Định, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Sóc Trăng, Long Xuyên, Vĩnh Long, Bà Rịa, Trà Vinh, Tây Ninh, Bến Tre, Sa Đéc
26/8/1945	Sơn La, Châu Đốc, Cần Thơ, Quảng Ninh (Hòn Gai)
27/8/1945	Rạch Giá
28/8/1945	Đồng Nai Thượng, Hà Tiên
31/8/1945	Vĩnh Yên

Các tỉnh và địa phương còn lại thống nhất lấy ngày 19 tháng 8 năm 1945 để làm căn cứ./.